

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ - ST

Ngày 01 tháng 8 năm 2023.

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đàm Sông Hương
2. Bà Vũ Thị Vẻ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ng Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2023. Về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐ-HNGĐ ngày 14/7/2023, Quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân số Quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân số 04/QĐ-TA ngày 16/7/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Vương Ng A, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn LM, xã HM, huyện V B, tỉnh LC. Nơi ở hiện nay: Thôn ChL, xã LPh, huyện V B, tỉnh LC. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn LM, xã HM, huyện V B, tỉnh LC Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của chị Vương Ng A trình bày, có yêu cầu: Ngày 28/3/2014, chị và anh Hoàng Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Mạc. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm đến đầu tháng 9/2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nuôi dạy con cái và làm ăn kinh tế, ngoài ra chị A còn nghi ngờ anh Đ sử dụng ma túy nên dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đã cho anh Đ nhiều cơ hội nhưng anh Đ vẫn giữ nguyên phong cách sống rồi điều qua tiếng lại, chửi nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh Đ đã bị rạn nứt, không có cách nào hàn gắn tình cảm, gay gắt vào đầu tháng 6/2022 chị bỏ về sống cùng cha mẹ đẻ ở thôn Chăm Lang, xã Liêm Phú, huyện Văn Bàn sống ly thân, bỏ mặc

không còn quan tâm tính đến nay khoảng 01 năm 01 tháng nên chị không có thai với anh Đ. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn cách nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không được Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị, chị tiếp tục sống ly thân, nhất định không Đ tự vợ chồng với anh Đ. Chị đề nghị được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

Về con: Chị A xác định, có 02 con chung là cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 08/5/2014 và cháu Hoàng Gia Bảo Ng, sinh ngày 24/9/2019. Hiện cháu H, cháu Ng đang sống cùng anh Đ. Nay chị đề nghị Tòa tiếp tục giao cháu H cho anh Đ, giao cháu Ng cho chị trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không cấp dưỡng nuôi con cùng anh Đ và chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản: Chị A xác định, chị và anh Đ không có. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về vay nợ: Chị A xác định, chị và anh Đ không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức, cá nhân vay nợ vợ chồng. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai của anh Hoàng Văn Đ trình bày, có yêu cầu: Anh công nhận chị A trình bày về thời gian kết hôn, lý do mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân phần trên là đúng. Tuy nhiên, giữa anh và chị A có nhiều lần trao đổi để sửa chữa nhưng chị A không đồng ý mà đã bỏ về sống cùng cha mẹ đẻ ở ở thôn Chằm Lang, xã Liêm Phú, huyện Văn Bàn sống, trong thời gian này anh và chị đã thờ ơ với hôn nhân, sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay không chung kinh tế của ai người đó tự quản lý, sử dụng và tự chấm dứt không quan hệ tình cảm vợ chồng tính đến nay khoảng 01 năm 01 tháng nên chị A không có thai với anh. Nay anh xác định, tình cảm vợ chồng không còn cách nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nhất trí yêu cầu ly hôn của chị Vương Ng A.

Về con: Anh công nhận chị A trình bày phần trên là đúng. Anh Đ đề nghị tiếp tục giao cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 08/5/2014 và cháu Hoàng Gia Bảo Ng, sinh ngày 24/9/2019 cho anh Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con Ng cùng anh mỗi tháng 1.000.000đ/tháng đến khi cháu Ng trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh và chị A tự thỏa thuận. Anh không đề nghị Tòa giải quyết.

Về vay nợ: Anh và chị A không nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho ai vay nợ vợ chồng. Anh không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn chị Vương Ng A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Hoàng Văn Đ vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Bàn có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn chưa chấp hành việc có mặt tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nH và Gia đình. Điều 228, 229, 238 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xứ, chị Vương Ng A được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 08/5/2014 cho anh Hoàng Văn Đ, giao cháu Hoàng Gia Bảo Ng, sinh ngày 24/9/2019 cho chị Vương Ng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H, cháu Ng đủ 18 tuổi.

Chị Vương Ng A và anh Hoàng Văn Đ không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Vương Ng A yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Xét thấy, bị đơn anh Hoàng Văn Đ cư trú tại thôn Làng Nôm, xã Hòa Mạc, huyện Văn Bàn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân huyện Văn Bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Hoàng Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng có giấy xác nhận do các đương sự cung cấp, vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nH: Chị Vương Ng A xác định, ngày 28/3/2014 chị và anh Hoàng Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã Hòa Mạc. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm, đến đầu tháng 9/2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nH do bất đồng quan điểm sống, đã cho anh Đ nhiều cơ hội nhưng anh Đ vẫn giữ nguyên phong cách sống, làm cho tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng từ tháng 6/2022, chị đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở thôn Chăm Lang, xã Liêm Phú, huyện Văn Bàn sống ly tH, bỏ mặc không quan tâm, kinh tế của người nào người đó tự quản lý, sử dụng tính đến nay khoảng 01 năm 01 tháng, thiếu đi sự chăm lo, yêu thương, quý trọng của người chồng. Chị A yêu cầu đề nghị được ly hôn với anh Đ mà không được chấp nhận yêu cầu thì chị tiếp tục sống ly tH với anh Đ như hiện nay. Xét thấy, chị A thực sự không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ, anh Đ biết không nứu kéo được tình cảm với chị A nên từ giai đoạn tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải anh Đ không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ

của mình, có thái độ bỏ mặc hôn nhân, không có thiện chí trong việc hướng đến mục đích Đ tỵ vợ chồng, không giao nộp tài liệu, chứng cứ về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con để chứng minh cho yêu cầu Đ tỵ vợ chồng của mình là có căn cứ. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh Đ mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Ng A đề nghị được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

[3] Về nuôi con chung khi ly hôn: Mặc dù chị A và anh Đ không thỏa thuận về việc giao con khi ly hôn. Tuy nhiên, nguyện vọng của cháu H và đề nghị của chị A giao cháu H cho anh Đ; giao cháu Ng cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Xét về điều kiện nuôi con của chị A và anh Đ, qua kết quả xác minh, thấy rằng: Chị A và anh Đ đều sống chung cùng gia đình, không có nhà riêng gắn liền với đất ở, có nơi ở ổn định, về thu nhập đối với chị A làm tại Công ty có thu nhập ổn định mỗi tháng được khoảng 08 đến 09 triệu đồng. Đối với anh Đ làm nghề tự do và đi làm thuê thời vụ thu nhập mỗi tháng khoảng 4.000.000đ đến 5.000.000đ. Do vậy, cả chị A và anh Đ đều có đủ điều kiện để được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Do vậy, để đảm bảo việc học tập và phát triển về thể chất lẫn tinh thần cho cháu H và cháu Ng, cần chấp nhận đề nghị của chị A giao cháu Ng cho chị A; giao cháu H cho anh Đ là phù hợp với qui định tại Điều 81,82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Chị A và anh Đ không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vương Ng A phải chịu toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh Hoàng Văn Đ không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử: Chị Vương Ng A được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 08/5/2014 cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi; giao cháu Hoàng Gia Bảo Ng, sinh ngày 24/9/2019 cho chị Vương Ng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Ng trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Vương Ng A và anh Hoàng Văn Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Chị Vương Ng A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhận và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d tại biên lai thu tiền số 0004440 ngày 28/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Anh Hoàng Văn Đ không phải chịu tiền án phí cấp dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- UBND xã (01);
- Chi cục THADS(01);
- Các đương sự(02);
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Lụa

